

Số: 1377/QĐ-LĐTĐBXH

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023
Thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng**

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2657/QĐ-BTC ngày 07/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1375/QĐ-LĐTĐBXH ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố và các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Cục Người có công tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 được giao, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan. Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố thực hiện phân bổ và giao dự toán đến các đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định; báo cáo về Bộ trước ngày 31/01/2023 để tổng hợp, theo dõi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Người có công, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính;
- KBNN TW;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

TU QU. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH



Phạm Quang Phụng



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
THỰC HIỆN PHÁP LỆNH ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG

của: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Nghệ An

(Kèm theo Quyết định số 1377/QĐ-LĐTBXH ngày 30/12/2022)

Đơn vị: 1.000 đồng

LOẠI	KHOẢN	NỘI DUNG	KINH PHÍ
		TỔNG SỐ	1.822.044.084
370		SỰ NGHIỆP ĐẢM BẢO XÃ HỘI	1.731.896.084
	371	CHÍNH SÁCH VÀ HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG	1.731.896.084
		I. CHI TRẢ CÁC LOẠI TRỢ CẤP, CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI THƯỜNG XUYÊN	1.655.629.553
		1. Chi trả chế độ ưu đãi thường xuyên cho người có công	1.605.271.000
		2. Trang cấp DCCH và phương tiện trợ giúp cho người có công	3.500.000
		3. Điều trị, điều dưỡng cho thương bệnh binh và người có công	46.858.553
		- Điều trị	983.500
		- Điều dưỡng	45.875.053
		II. CHI TRỢ CẤP 1 LẦN: Đối với Bà mẹ VNAH và các đối tượng theo Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Đã bao gồm Phí quản lý)	1.900.000
		III. CHI CÔNG VIỆC	74.366.531
		1. Quà lễ, tết; sách báo cho lão thành cách mạng; thăm viếng, đón tiếp và ưu đãi khác cho đối tượng và thân nhân NCC	41.013.000
		2. Hỗ trợ phục vụ công tác điều dưỡng tập trung	4.103.400
		3. Chi hỗ trợ hoạt động các cơ sở nuôi dưỡng thương binh và điều dưỡng NCC với cách mạng	932.000
		- Hỗ trợ phục vụ công tác nuôi dưỡng người có công	932.000
		4. Chi công tác Mộ và Nghĩa trang liệt sỹ	7.940.000
		5. Chi cho công tác quản lý	20.378.131
		- Kinh phí chi công tác quản lý theo tỷ lệ	19.378.131
		- Hỗ trợ phục vụ công tác quản lý (Kinh phí số hóa hồ sơ người có công)	1.000.000
130		SỰ NGHIỆP Y TẾ	90.148.000
	133	HỖ TRỢ KINH PHÍ MUA THẺ BẢO HIỂM Y TẾ CHO ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI CÓ CÔNG	90.148.000
		MÃ SỐ ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH	1067442
		KHO BẠC NHÀ NƯỚC	Nghệ An
		MÃ KHO BẠC NHÀ NƯỚC	1411

Ghi chú:

I. Chi Sự nghiệp đảm bảo xã hội:

1. Kinh phí chi trả các loại trợ cấp, chế độ ưu đãi thường xuyên: Đảm bảo kinh phí chi trả trợ cấp hàng tháng của các đối tượng theo quy định tại Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021; Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 và mức trợ cấp, phụ cấp quy định tại Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ và các khoản trợ cấp 1 lần thường xuyên khác.

2. Chi trang cấp DCCH và phương tiện trợ giúp cho người có công: Căn cứ dự toán được giao và số đối tượng đến niên hạn để thực hiện chi trả cho đối tượng theo quy định tại Nghị định số 75/2021/NĐ-CP.

3. Chi điều trị: Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, phục hồi sức khỏe cho các đối tượng nuôi dưỡng tập trung tại cơ sở trực thuộc Sở; Hỗ trợ điều trị tại cơ sở y tế để thanh toán chi phí điều trị, thuốc, hóa chất, vật tư y tế, dịch vụ kỹ thuật và các chi phí khác liên quan không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ BHYT.

4. Chi điều dưỡng: Căn cứ dự toán ngân sách năm 2023 được giao; số đối tượng hưởng chế độ điều dưỡng đang quản lý; điều kiện cơ sở điều dưỡng, Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố phân bổ kế hoạch và kinh phí thực hiện điều dưỡng đảm bảo tất cả các đối tượng đến niên hạn đều được hưởng chế độ điều dưỡng theo quy định. Mức chi theo quy định tại Nghị định số 75/2021/NĐ-CP.

5. Kinh phí chi trả trợ cấp ưu đãi một lần: Kinh phí chi trả trợ cấp 1 lần đối với Bà mẹ VNAH được truy tặng và các đối tượng hưởng trợ cấp 1 lần theo các Nghị định của Chính phủ và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (đã bao gồm phí quản lý theo quy định).

6. Hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác điều dưỡng tập trung: Theo số đối tượng điều dưỡng tập trung, mức chi theo quy định tại Nghị định số 75/2021/NĐ-CP.

7. Quà lễ, tết; sách báo cho lão thành cách mạng; thăm viếng, đón tiếp và ưu đãi khác cho đối tượng và thân nhân NCC: Căn cứ dự toán được giao; Quyết định tặng quà của Chủ tịch nước và tình hình đón tiếp, thăm viếng tại địa phương để thực hiện chi trả chế độ cho đối tượng theo quy định.

8. Hỗ trợ hoạt động khu thương binh và NCC: Hỗ trợ hoạt động phục vụ công tác nuôi dưỡng NCC tính theo số đối tượng NCC và thân nhân NCC đang được nuôi dưỡng tại Trung tâm.

9. Chi công tác Mộ, nghĩa trang liệt sĩ, công trình ghi công liệt sĩ: Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ.

10. Chi công tác quản lý: (i) Tỷ lệ chi công tác quản lý theo quy định tại Quyết định số 206/QĐ-LĐTBXH ngày 11/3/2022 của Bộ; (ii) Hỗ trợ phục vụ công tác quản lý (Kinh phí số hóa hồ sơ người có công).

II. Chi Sự nghiệp Y tế:

Kinh phí mua BHYT cho đối tượng NCC và thân nhân: Căn cứ đối tượng hưởng chế độ bảo hiểm y tế và mức chi mua bảo hiểm y tế theo mức lương cơ sở quy định tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ./.

